

16 đến tiết 25

Tiết 16,17

Ngày soạn: 22/12/2025

CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (T1)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản; phân tích được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973.
- Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản; nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000.
- Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật; phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.
- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản; sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản.- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: nguồn nhân lực; vai trò quan trọng của nhà nước; hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp; truyền thống văn hoá.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

-Năng lực riêng:

Nhận thức và tư duy lịch sử

- + Biết cách sưu tầm và khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao.
- + Giải thích được nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1952-1973 cũng như nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của
- + Nhận xét được những bài học thành công của Nhật Bản.

Vận dụng

- + Nêu được mối quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản. Liên hệ những thành tựu của Nhật Bản để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: Học hỏi những phẩm chất kỉ luật, chăm chỉ, tự giác, coi trọng bản sắc văn hoá của người Nhật, từ đó đem văn hoá truyền thống của nước ta trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển, đảm bảo tính bền vững, lâu dài của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều.
- Video, hình ảnh về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tài liệu tham khảo: Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhật Bản: Một số vấn đề kinh tế, chính trị nổi bật 2001 – 2020 (Sách chuyên khảo), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011;...

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong SCD, sưu tầm tư liệu liên quan đến Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tham khảo tư liệu và trong SCD, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Đây là nước nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

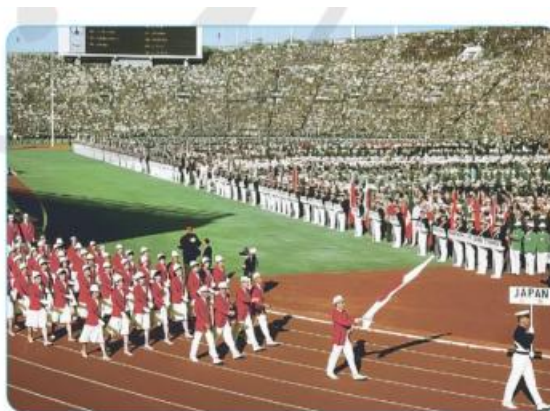
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Năm 1964, Nhật Bản trở thành quốc gia đầu tiên ở châu Á tổ chức Thế vận hội (lần thứ 18). Sự kiện này đánh dấu sự trở lại của Nhật Bản trên vũ đài thể giới với vai trò là một quốc gia hoà bình, đồng thời thể hiện nhiều thành tựu về sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vậy tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Nhật Bản từ năm 1945 đến nay như thế nào? Sự thành công của Nhật Bản đã để lại những bài học gì? Chuyên đề sẽ giúp em khám phá những vấn đề trên.



Hình 1. Lễ khai mạc Thế vận hội (lần thứ 18) tại Tô-ky-ô (1964)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1973)

a. Mục tiêu:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì Nhật Bản bị quân đội Đồng minh chiếm đóng (1945-1952), quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.

b.Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

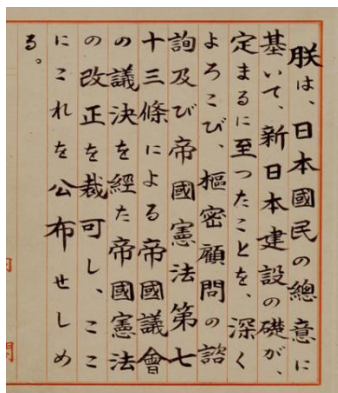
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học				Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau				I. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1973) 1. Thời kì Nhật Bản bị quân Đồng minh chiếm đóng (1945 – 1952) a) Quá trình dân chủ hoá - Quá trình dân chủ hoá ở Nhật Bản được tiến hành trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục. b) Chuyển biến về kinh tế, xã hội - Trong những năm 1945 – 1950, kinh tế Nhật Bản phát triển chậm chạp và lệ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Mỹ. - Nhờ những cải cách văn hoá, giáo dục, phục hồi các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí,... xã hội Nhật Bản chuyển dần sang xã hội dân chủ và từng bước ổn định
Lĩnh vực		Nội dung	Kết quả	
Hoàn cảnh				
Những chuyển biến	Chính trị			
	Kinh tế			
	Xã hội			
	Giáo dục			
Nhận xét				
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV cung cấp thông tin tư liệu Chính trị • Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho Nhật				

Bản những hậu quả nặng nề: khoảng 3 triệu người chết và mất tích; 40% đô thị, 80% tàu bè, 34% máy móc công nghiệp bị phá hủy; 13 triệu người thất nghiệp;...

- Sau khi kí văn kiện đầu hàng không điều kiện (2 – 9 – 1945), lần - đầu tiên trong lịch sử, Nhật Bản bị quân đội nước ngoài - quân Đồng minh (chủ yếu là Mỹ) chiếm đóng và thực hiện chế độ quân quản trong những năm 1945 – 1952. -



Hiến pháp Nhật Bản 1947

Lời nói đầu Hiến pháp Nhật Bản viết: “Chúng tôi, nhân dân Nhật Bản, đại diện bởi dân biểu Quốc hội, xác định quyết tâm bảo vệ thành quả hợp tác hoà bình giữa các quốc gia, tôn trọng tự do toàn lãnh thổ cho chính chúng ta và cho cả những thế hệ sau này, kiên quyết không để xảy ra thảm hoạ chiến tranh như các Chính phủ trước đã tiến hành, khẳng định chủ quyền thuộc về nhân dân, những người soạn thảo bản Hiến pháp này”.

Thứ tự thừa kế Hoàng gia Nhật

1959

Hoàng hậu Michiko
Mỹ Trí Tử

Thiên hoàng Akihito
Bình Thành

21

1993

Thần vương phi Masako
Đức Nhân thần Vương Phi

Hoàng Thái tử Naruhito
Đức Nhân Thần Vương

1990

Thần vương Fumihito
Văn Nhân Thần Vương

Thần Vương phi Kiko
Văn Nhân Thần Vương Phi

2001

2006

1991

1994

Nội thần vương Aiko
Ái Tử Nội Thần Vương

Thần vương Hisahito
Đức Nhân Thần Vương

Nội Thần vương Mako
Chân Tử Nội Thần Vương

Nội Thần vương Kiko
Giải Tử Nội Thần Vương

Với hiến pháp mới ngôi vị thiên hoàng vẫn được duy trì nhưng không còn quyền lực với nhà nước

- Với Hiến pháp mới, ngôi vị Thiên Hoàng vẫn được duy trì nhưng không còn quyền lực với nhà nước. Nghị viện gồm hai viện (Thượng viện và Hạ viện) do nhân dân bầu ra, là cơ quan quyền lực tối cao giữ quyền lập pháp; Chính phủ do Thủ tướng đứng đầu, giữ quyền hành pháp.

Ngày 16-4-1951 khoảng 200.000 người dân thành phố Tokyo-ô đã ra đường để tiễn biệt một người Mỹ trẻ nước, đó là Mac A-thơ, cựu Tư Lệnh Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Phòng minh tại Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1951. Khi Mac A-thơ bước lên thang máy bay, một quan chức Nhật hô to: “Mac A-thơ muốn nếm!”, những người có mặt cũng đều giơ tay hô theo: “Muốn nếm!”. Những tiếng hô đó thể hiện sự trăn trăn của Chính phủ và người dân Nhật Bản đối với đóng góp to lớn của Mac A-thơ trong tiến trình lịch sử Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.



Kinh tế

- Giải thể tài phiệt, được gọi là Dai-bát-xư (là các tập đoàn, công ty độc quyền do một dòng họ sở hữu và chi phối). Chính sách này đã góp phần loại bỏ tình trạng tập trung kinh tế, tạo điều kiện cạnh tranh mạnh mẽ trong các ngành công nghiệp Nhật Bản, mở rộng sở hữu tư bản.
- Bốn Dai-bát-xư lớn ở Nhật Bản gồm: Mít-su-bi-si, Su-mi-tô-mô, Mít-xui, Y-a-su-đa, nắm

quyền kiểm soát trực tiếp hơn 30% ngành công nghiệp khai khoáng, hoá chất và luyện kim, gần 50% thị trường máy móc và thiết bị, một phần đáng kể trong đội tàu buôn nước ngoài và 70% thị trường chứng khoán của Nhật Bản.



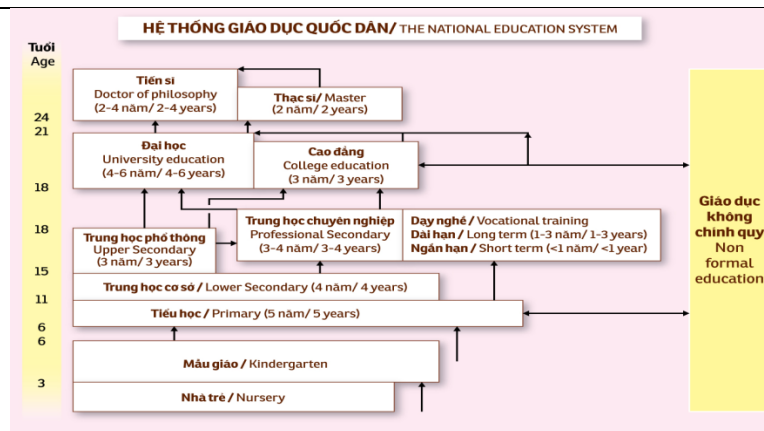
- Thực hiện cải cách ruộng đất, xoá bỏ chế độ địa chủ ở nông thôn Nhật Bản, ruộng đất thực sự chuyển vào tay người canh tác.

Xã hội



Dân chủ hoá quyền lợi người lao động thông qua các đạo luật về lao động. Kết quả là trong hai năm đã tăng số lượng nghiệp đoàn và số lao động tham gia, phát triển phong trào công đoàn của công nhân.

Giáo Dục



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

<i>Lĩnh vực</i>		<i>Nội dung</i>	<i>Kết quả</i>
Hoàn cảnh		Chiến tranh thế giới thứ hai gây ra những hậu quả nặng nề đối với Nhật Bản. Từ năm 1945 đến năm 1952, Nhật Bản chịu sự chiếm đóng của lực lượng Đồng minh.	Chính phủ Nhật Bản vẫn được phép tồn tại và hoạt động, nhưng quyền điều hành đất nước thuộc về Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP)
Những chuyển biến	Chính trị	- Loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản - Soạn thảo Hiến pháp mới (có hiệu lực từ ngày 3-5-1947), quy định Nhật Bản là	Xây dựng một nền chính trị dân chủ, chủ quyền của toàn dân, tôn trọng những quyền cơ bản của con người.

		nước quân chủ lập hiến - Nhật Bản cam kết: từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, xét xử tội phạm chiến tranh, không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế		
	Kinh tế	- Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế: giải tán các tập đoàn lũng đoạn mang tính chất dòng tộc “Đai-bát-xu”. Thực hiện cải cách ruộng đất và Dân chủ hoá lao động	– Tạo điều kiện cạnh tranh mạnh mẽ trong các ngành công nghiệp Nhật Bản, mở rộng sở hữu tư bản. - Năng suất nông nghiệp tăng nhanh và tạo sự ổn định trong xã hội nông thôn.	
	Xã hội	- Dân chủ hoá quyền lợi người lao động thông qua các đạo luật về lao động	Tăng số lượng nghiệp đoàn và số lao động tham gia, phát triển phong trào công đoàn của công nhân	
	Giáo	Tiến hành cải	Xây dựng	

	dục	cách giáo dục với mục tiêu xây dựng một nền giáo dục mới khoa học và tiến bộ. Luật Giáo dục ban hành năm 1947	nền giáo dục mới khoa học và tiến bộ, đáp ứng mục tiêu dân chủ hoá nước Nhật.
Nhận xét		Tạo nền tảng quan trọng cho sự phục hồi mạnh mẽ của Nhật Bản trong giai đoạn tiếp theo.	

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi:



GV chia lớp làm 2 đội chơi, các đội lần lượt cử đại diện lên bảng trả lời câu hỏi, trả lời đúng sẽ có điểm cộng về cho đội

Câu hỏi 1: Sau chiến tranh thế giới thứ 2 Nhật Bản bị quân đội nước nào chiếm đóng?

Câu hỏi 2: Hiến pháp mới được quốc hội Nhật Bản thông qua vào thời gian nào?

Câu hỏi 3: Theo hiến pháp, Nhật Bản theo thể chế chính trị nào?

Câu hỏi 4: Nhật Bản ban hành luật giáo dục vào thời gian nào?

Câu hỏi 5: Theo hiến pháp, ai là người đứng đầu chính phủ, giữ quyền hành pháp?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi 1: Mỹ

Câu hỏi 2: 10/1946

Câu hỏi 3: Quân chủ lập hiến

Câu hỏi 4: 1947

Câu hỏi 5: Thủ tướng

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về Nhật Bản giai đoạn bị quân đội Đồng Minh chiếm đóng 1945 -1954.Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 18

Ngày soạn: 28/12/2025

CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản; phân tích được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973.
- Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản; nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000.
- Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật; phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.
- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản; sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản.- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: nguồn nhân lực; vai trò quan trọng của nhà nước; hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp; truyền thống văn hoá.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm

-Năng lực riêng:

Nhận thức và tư duy lịch sử

- + Biết cách sưu tầm và khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao.
- + Giải thích được nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1952-1973 cũng như nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của
- + Nhận xét được những bài học thành công của Nhật Bản.

Vận dụng

- + Nêu được mối quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản. Liên hệ những thành tựu của Nhật Bản để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: Học hỏi những phẩm chất kỉ luật, chăm chỉ, tự giác, coi trọng bản sắc văn hoá của người Nhật, từ đó đem văn hoá truyền thống của nước ta trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển, đảm bảo tính bền vững, lâu dài của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Video, hình ảnh về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tài liệu tham khảo: Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhật Bản: Một số vấn đề kinh tế, chính trị nổi bật 2001 – 2020 (Sách chuyên khảo), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011;...

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong SCD, sưu tầm tư liệu liên quan đến Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tham khảo tư liệu và trong SCD, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi:
? Em hãy kể 4 đức tính tốt của người Nhật mà em biết?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm



Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1973)

a. Mục tiêu:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì tăng trưởng cao về kinh tế (1952-1973), quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.

b.Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau Nhiệm vụ 1: Trình bày tình hình kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973 - Nhiệm vụ 2: Thiết kế sơ đồ tư duy về nguyên nhân	I. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1973) 2. Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973 a) Tình hình kinh tế - Từ năm 1960 đến năm 1973 là

kinh tế Nhật Bản phát triển "thần kì" (1952-1973). Trong các nguyên nhân trên, nguyên nhân nào quyết định nhất? Vì sao?

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY		
Nội dung chấm	Tiêu chí	Điểm
A. Cách thức trình bày (25%)	Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp lí, bảo đảm thời gian,...	20 – 25
	Hay, sáng tạo, nhưng sắp xếp chưa hợp lí, chưa bảo đảm thời gian,...	15 – 20
	Thiếu ý tưởng sáng tạo, sắp xếp rời rạc, chưa bảo đảm thời gian,...	< 15
B. Nội dung (50%)	Nội dung đầy đủ, chính xác, đúng yêu cầu, nguồn tài liệu rõ ràng, khoa học, có tính giáo dục,...	40 – 50
	Nội dung chưa đầy đủ, thiếu phong phú, nguồn tài liệu chưa rõ ràng,...	25 – 40
	Còn ít tư liệu, chưa cung cấp đủ nội dung,...	< 25
C. Thuyết trình (25%)	Tự tin, cuốn hút, nghiêm túc, bảo đảm thời gian, trả lời câu hỏi đúng trọng tâm,...	15 – 25
	Còn lúng túng, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ thuyết trình,...	< 15
Tổng điểm thuyết trình		10

Nhiệm vụ 3: Thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập sau

Lĩnh vực	Nội dung
Đối nội	
Đối ngoại	
Xã hội	
Khó khăn	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu

Nv 1,2

Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật Bản bước vào giai đoạn phát triển “thần kì”.

Tốc độ tăng trưởng cao liên tục, đạt mức trên 10%. Tới năm 1968, Nhật Bản vươn lên thành cường quốc thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mỹ), là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới (cùng Mỹ và Tây Âu).

giai đoạn phát triển “thần kì” của Nhật Bản

- Sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển kinh tế là yếu tố con người.

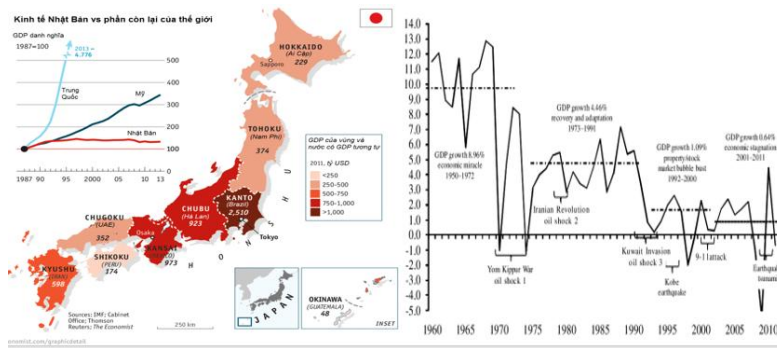
b) Tình hình chính trị, xã hội

- Về đối nội: Chính phủ Nhật Bản tập trung duy trì và bảo vệ chế độ tư bản.

- Về đối ngoại: Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ

- Về xã hội: Tầng lớp trung lưu mới xuất hiện và ngày càng tăng về số lượng trong các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp.

Năm 1968, Nhật Bản vươn lên hàng thứ hai thế giới tư bản (sau Mỹ) với tổng sản phẩm quốc dân là 183 tỉ USD.



Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính trong thế giới tư bản

Bảng 2. Các chỉ số kinh tế của Nhật Bản (1950 – 1975)

Giai đoạn	1950 – 1955	1955 – 1960	1960 – 1965	1965 – 1970	1970 – 1975
Các chỉ số kinh tế					
Tỉ lệ tăng trưởng thực tế (%)	10,9	8,7	9,7	12,2	5,1
Dự trữ ngoại tệ (triệu USD)	738	1 824	2 017	4 399	12 815

Nhật Bản còn đóng tàu chở dầu có trọng tải 1 triệu tấn; xây dựng các công trình thế kỉ như đường ngầm dưới biển dài 53,8 km nối đảo Hôn-su và đảo Hô-cai-đô, cầu đường bộ dài 9,4 km nối đảo Hôn-su và đảo Xi-cô-cư,...



Nguyên nhân cơ bản của sự phát triển “thần kì” là:

- + Sự quyết tâm và tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân Nhật Bản.
- + Chính sách quản lí có hiệu quả của Chính phủ và vai trò dẫn dắt của các nhà lãnh đạo Nhật Bản.
- + Quá trình dân chủ hoá cùng với việc xây dựng nền kinh tế thị trường tự do theo mô hình Mỹ.
- + Các công ty Nhật Bản có tầm nhìn xa, quản lí hiệu quả, nhạy bén nắm bắt cơ hội và mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới để giành lợi thế trong cạnh tranh.
- + Nhật Bản luôn áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.
- + Chi phí quốc phòng của Nhật Bản thấp. Nhật Bản tập trung vào việc tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng xuất khẩu.
- + Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.

NV 3

Về chính trị, từ năm 1955, Đảng Dân chủ và Đảng Tự do kết hợp thành Đảng Dân chủ Tự do (LDP), liên tục cầm quyền, mở ra thời kì mới cho nền chính trị Nhật Bản.

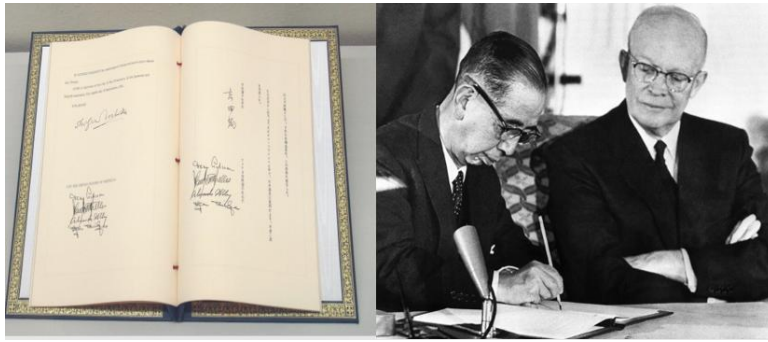
Vì sao Nhật Bản lại liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản phải chịu thiệt hại nặng nề. Đứng trước tình hình đó, Nhật Bản đã chọn giải pháp liên kết với Mỹ - vốn là nước đồng minh chiếm đóng Nhật để đạt được một số quyền lợi quan trọng từ Mỹ:

- Chấm dứt chế độ chiếm đóng của quân Đồng minh.
- Được bộ chỉ huy tối cao lực lượng đồng minh (SCAP) thực hiện một số chính sách tích cực về chính trị và kinh tế. Đặc biệt nhận được sự viện trợ của Mỹ - > kinh tế được phục hồi.
- Chi phí quốc phòng thấp -> Có điều kiện để tập

trung phát triển kinh tế.

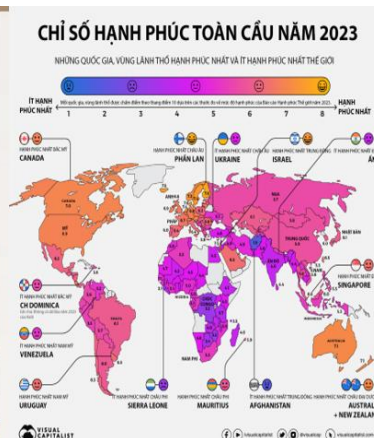
=> Với những quyền lợi mà Nhật Bản đạt được đã chứng tỏ nguyên nhân chủ yếu khiến Nhật liên minh chặt chẽ với Mỹ là do muốn đảm bảo quyền, lợi ích quốc gia Nhật Bản. Quyền lợi quốc gia, dân tộc luôn là tiêu chí được đặt lên hàng đầu không chỉ với riêng Nhật Bản mà đó là điểm chung với tất cả các quốc gia trên thế giới.



Hiệp ước An ninh Mỹ – Nhật Bản kí năm 1951 nhằm đảm bảo an ninh cho Nhật Bản, tạo nền tảng quan hệ giữa hai nước.



Năm 1956, Nhật Bản bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Liên Xô và trở thành thành viên Liên hợp quốc, thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc (1972), Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1973),...



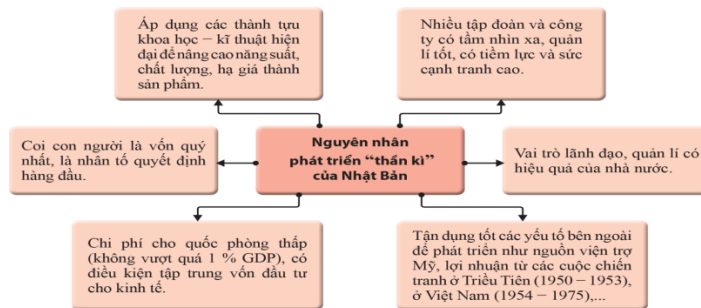
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động



- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

NV1,2



Hình 5. Nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản

Trong các nguyên nhân trên, nguyên nhân nào quyết định nhất? Vì sao?

Trong các nhân tố dẫn đến sự thành công của Nhật Bản thì yếu tố con người có tính chất quyết định nhất. Vì con người Nhật Bản có lòng tự hào dân tộc, tinh thần cần cù, ý thức tiết kiệm, khả năng tiếp cận khoa học – kĩ thuật,...

Lĩnh vực	Nội dung
Đối nội	- Chính phủ Nhật Bản tập trung duy trì và bảo vệ chế độ tư bản. - Từ năm 1955 đến năm 2009, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền. Chính phủ chủ trương xây dựng “Nhà nước phúc lợi chung”

Đối ngoại	-Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật được kí kết, theo đó Nhật Bản chấp nhận được đặt dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mỹ - Kí Hiệp ước hoà bình Xan Phran-xi-xcô (8-9-1951), chấm dứt thời kì chiếm đóng của lực lượng Đồng minh
Xã hội	- Tầng lớp trung lưu mới xuất hiện và ngày càng tăng về số lượng trong các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp
Khó khăn	Nhật Bản phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội như giá nhà ở tăng cao, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, ùn tắc giao thông,...

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi:



GV mời 1 HS ngồi ghế nóng để tham gia trò chơi, các HS còn lại có nhiệm vụ hỗ trợ.

GV xoay vòng 2 – 3 HS tham gia ngồi ghế nóng để tăng sự hứng thú cho HS

Câu hỏi 1: Tới năm 1968, Nhật Bản vươn lên thành cường quốc thứ mấy trong thế giới tư bản?

- A. Đứng đầu
- B. Thứ 2
- C. Thứ 3
- D. Thứ 4

Câu hỏi 2: Nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển kinh tế của Nhật Bản đó là:

- A. Sự hỗ trợ của mỹ
- B. Chi phí cho quốc phòng ít
- C. Các công ty Nhật Bản năng động
- D. Yếu tố con người

Câu hỏi 3: Về đối ngoại Nhật Bản chủ trương nào sau đây:

- A. Liên minh với Trung Quốc
- B. Liên minh với Liên Xô
- C. Liên minh với ASEAN
- D. Liên minh với Mỹ

Câu hỏi 4: Nhật Bản bình thường hóa quan hệ với Việt Nam dân chủ Cộng hòa vào thời gian nào?

- A. 1972
- B. 1973
- C. 1986.
- D. 1991

Câu hỏi 5: Giai đoạn nào dưới đây là giai đoạn phát triển ngoạn mục của Nhật Bản

- A. 1945 -1952
- B. 2000 - nay
- C. 1973 - 2000
- D. 1952 - 1973

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

C H	1	2	3	4	5
Đ A	B	D	D	B	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :Viết bài giới thiệu về một cuốn sách một bộ phim hoặc tư liệu về thời kì tăng trưởng cao về kinh tế (1952-1973) của Nhật Bản.Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 6.1/2026

CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản; phân tích được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973.
- Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản; nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000.
- Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật; phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.
- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản; sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản.- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: nguồn nhân lực; vai trò quan trọng của nhà nước; hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp; truyền thống văn hoá.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

-Năng lực riêng:

Nhận thức và tư duy lịch sử

- + Biết cách sưu tầm và khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao.
- + Giải thích được nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1952-1973 cũng như nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của
- + Nhận xét được những bài học thành công của Nhật Bản.

Vận dụng

- + Nêu được mối quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản. Liên hệ những thành tựu của Nhật Bản để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: Học hỏi những phẩm chất kỉ luật, chăm chỉ, tự giác, coi trọng bản sắc văn hoá của người Nhật, từ đó đem văn hoá truyền thống của nước ta trở thành một

trong những động lực quan trọng để phát triển, đảm bảo tính bền vững, lâu dài của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Video, hình ảnh về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tài liệu tham khảo: Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhật Bản: Một số vấn đề kinh tế, chính trị nổi bật 2001 – 2020 (Sách chuyên khảo), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011;...

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong SCD, sưu tầm tư liệu liên quan đến Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tham khảo tư liệu và trong SCD, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khởi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên yêu cầu HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Những hình ảnh trên đang nói đến cuộc khủng hoảng nào trong lịch sử?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

II. Nhật Bản từ năm 1973 đến nay

a. Mục tiêu:

Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản kể từ sau năm 1973.

b.Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm:HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
----------------------------	-------------------------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Sự phát triển không ổn định về kinh tế

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

Giai đoạn	Biểu hiện
Thời kì khủng hoảng (1970-1980)	
Thời kì phục hồi (1980-1990)	
Thời kì suy thoái (1990-2000)	

?nêu nguyên nhân sự phát triển không ổn định của nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000?

Nhiệm vụ 2: Tình hình chính trị - xã hội

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập sau

Lĩnh vực	Nội dung
Đối nội	
Đối ngoại	
Xã hội	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu

Nv1

Để cứu vãn tình thế, từ năm 1974, Chính phủ Nhật Bản đề ra các biện pháp nhằm phục hồi kinh tế, ưu tiên phát triển các ngành tiêu thụ ít năng lượng, tìm ra

II. Nhật Bản từ năm 1973 đến nay

1) Thời kì khủng hoảng và điều chỉnh (1973 – 2000)

a.Sự phát triển không ổn định về kinh tế

Trong khoảng ba thập niên cuối thế kỉ XX, Nhật Bản bước vào thời kì không ổn định: khủng hoảng, điều chỉnh, phục hồi rồi lại suy thoái.

- Trong giai đoạn 1973 – 1980, kinh tế Nhật Bản suy thoái

- Trong giai đoạn 1980 – 1990, kinh tế Nhật Bản có sự phục hồi, song phát triển không ổn định

- Trong giai đoạn 1990 – 2000, kinh tế Nhật Bản bước vào thời kì trì trệ kéo dài

b.Tình hình chính trị - xã hội

- Về đối nội: Trong giai đoạn 1973 – 2000, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) tiếp tục cầm quyền ở Nhật Bản

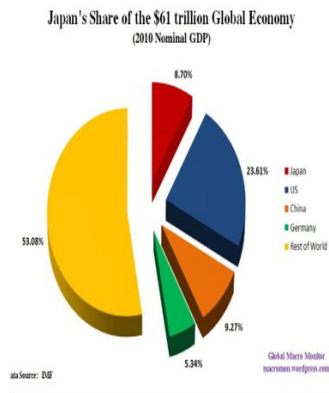
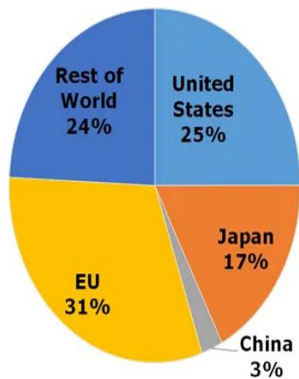
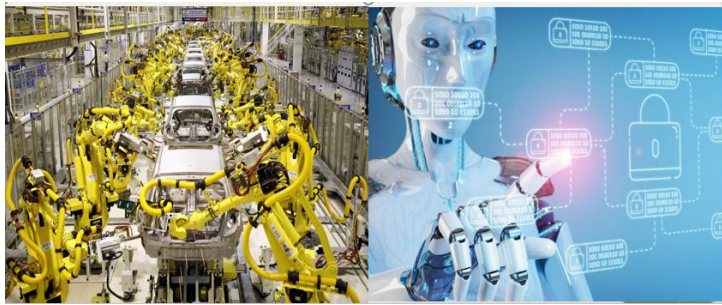
- Về đối ngoại: Nhật Bản duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ, tăng cường hợp tác với Tây Âu. Chủ trương tăng cường mối quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN

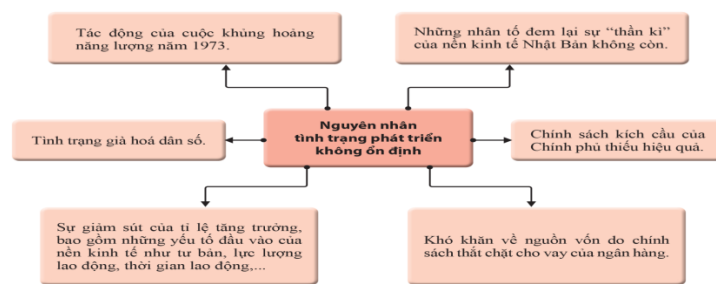
- Về xã hội: Sự khủng hoảng của nền kinh tế đã dẫn tới sự hình thành hai nhóm xã hội khác nhau

các nguồn năng lượng mới, phát triển công nghiệp tái chế



Nhật Bản thay đổi chính sách khoa học – kĩ thuật, chuyển từ tình trạng chủ yếu là mua phát minh sáng chế từ bên ngoài sang quá trình tự sáng tạo.





Hình 8. Nguyên nhân tình trạng phát triển không ổn định của Nhật Bản giai đoạn 1973 – 2000

NV2



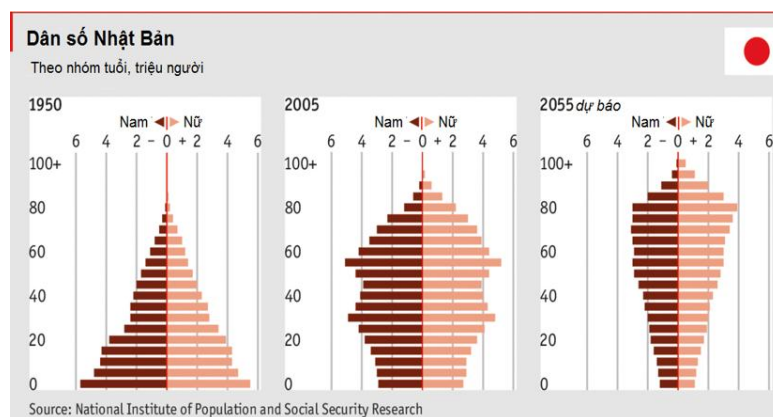
Đảng LDP tiếp tục cầm quyền ở Nhật Bản đề ra nhiều chiến lược phát triển đất nước

Trong phần lớn thời gian của giai đoạn 1973 – 2000, Đảng Dân chủ Tự do tiếp tục khẳng định vai trò của đảng cầm quyền (1973 – 1993, - 1996 – 1998). Chính phủ do LDP cầm quyền đề - ra nhiều chiến lược nhằm đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển và thu được nhiều thành tựu.



Năm 1991, Thủ tướng Kai-phu đưa ra Học thuyết Kai-phu

Học thuyết Phu-cư-đa là học thuyết phát triển dựa trên bài phát biểu của Thủ tướng Ta-keo Phu-cư-đa tại Ma-ni-la (Phi-líp-pin) khi đi thăm các nước thành viên ASEAN (năm 1977). Thủ tướng Phu-cư-đa cam kết rằng Nhật Bản sẽ không trở thành một cường quốc quân sự và sẽ xây dựng mối quan hệ bình đẳng, tin cậy “từ trái tim đến trái tim” với các nước Đông Nam Á trên nhiều lĩnh vực.



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

NV1

<i>Giai đoạn</i>	<i>Biểu hiện</i>
Thời kì khủng hoảng (1970-1980)	- Trong giai đoạn 1973 – 1980, kinh tế Nhật Bản suy thoái - Chính phủ Nhật Bản đưa ra nhiều biện pháp để khắc phục
Thời kì phục hồi (1980-1990)	Kinh tế Nhật Bản có sự phục hồi, song phát triển không ổn định, thường gọi là “Thời kì kinh tế bong bóng”
Thời kì suy thoái (1990-2000)	Kinh tế Nhật Bản bước vào thời kì trì trệ kéo dài, thường gọi là “Thập niên mất mát”

Nguyên nhân sự phát triển không ổn định của nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000 là:

- Những nhân tố đưa lại "sự thần kì" cho nền kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn trước không còn, thậm chí một số nhân tố lại trở thành "vật cản" trong xu thế phát triển mới như chế độ làm việc suốt đời, chính sách "đuôi bắt" kĩ thuật tiên tiến,...
- Các biện pháp của Chính phủ Nhật Bản nhằm khắc phục tình trạng suy thoái, kích thích tăng trưởng chưa thực sự hiệu quả và mang tính bền vững.
- Thị trường xuất khẩu của Nhật Bản bị giảm sút; không đủ nguồn vốn đầu tư, đặc biệt sau thời kì "bong bóng vỡ, nhiều ngân hàng Nhật Bản rơi vào tình trạng phá sản.
- Tình trạng già hoá dân số gia tăng, đặc biệt là dân số trong độ tuổi lao động của Nhật Bản.

Nv2

Lĩnh vực	Nội dung
Đối nội	Trong giai đoạn 1973 – 2000, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) tiếp tục cầm quyền ở Nhật Bản.
Đối ngoại	- Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại mới với Học thuyết Phu-cư-đa (1977) và Học thuyết Kai-phu (1991), chủ trương tăng cường mối quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.
Xã hội	- Đến thập niên 90 của thế kỉ XX, khoảng 90% số dân Nhật Bản được coi là tầng lớp trung lưu. - Sự khủng hoảng của nền kinh tế đã dẫn tới sự hình thành hai nhóm xã hội khác nhau

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi:



GV chia lớp làm 4 đội chơi, đội nào có nhiều đáp án đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng

Câu hỏi 1: Từ năm 1973 đến năm 1993, Đảng nào tiếp tục cầm quyền ở Nhật Bản,

A. LDP

B. LID

C. LHP

D. LPI

Câu hỏi 2: Thủ tướng nào đưa ra Học thuyết Kai-phu?

A. Kishida

B. Abe Shinzo

C. Fumio

D. Kai-phu

Câu hỏi 3: Nhật Bản với Mỹ đã ra tuyên bố tái khẳng định việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước An ninh Mỹ – Nhật Bản vào thời gian nào?

A. Tháng 1-1996.

B. Tháng 2-1996.

C. Tháng 3-1996

D. Tháng 4-1996.

Câu hỏi 4: Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX tình hình Nhật Bản như thế nào?

A. Chậm

B. Tăng trưởng

C. Suy thoái

D. Ổn định

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

CH	1	2	3	4
Đ A	A	D	D	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :Viết bài giới thiệu về một cuốn sách một bộ phim hoặc tư liệu về thời kì khủng hoảng và điều chỉnh (1973 – 2000) của Nhật Bản.Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 20

Ngày soạn: 10/1/2026

CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (T4)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản; phân tích được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973.
- Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản; nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000.
- Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật; phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.
- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản; sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản.- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: nguồn nhân lực; vai trò quan trọng của nhà nước; hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp; truyền thống văn hoá

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

-Năng lực riêng:

Nhận thức và tư duy lịch sử

- + Biết cách sưu tầm và khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao.
- + Giải thích được nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1952-1973 cũng như nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của
- + Nhận xét được những bài học thành công của Nhật Bản.

Vận dụng

- + Nêu được mối quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản. Liên hệ những thành tựu của Nhật Bản để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: Học hỏi những phẩm chất kỉ luật, chăm chỉ, tự giác, coi trọng bản sắc văn hoá của người Nhật, từ đó đem văn hoá truyền thống của nước ta trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển, đảm bảo tính bền vững, lâu dài của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo: Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhật Bản: Một số vấn đề kinh tế, chính trị nổi bật 2001 – 2020 (Sách chuyên khảo), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011;...

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong SCD, sưu tầm tư liệu liên quan đến Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tham khảo tư liệu và trong SCD, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên yêu cầu HS xem đoạn video về trí tuệ nhân tạo và trả lời câu hỏi:

? Xem đoạn video và cho biết xã hội siêu thông minh mà Nhật Bản đang hướng tới là gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

II. Nhật Bản từ năm 1973 đến nay

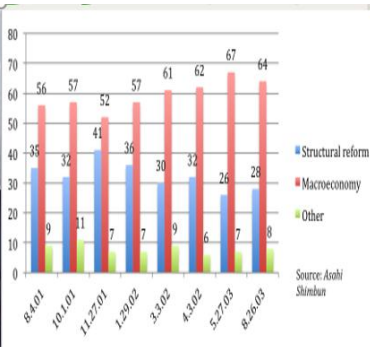
a. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI. Phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI: mặt tích cực, mặt tiêu cực.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến																																											
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau <table><tr><th>Lĩnh vực</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>Kinh tế</td><td></td></tr><tr><td>Chính trị</td><td></td></tr><tr><td>Xã hội</td><td></td></tr></table> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV cung cấp thông tin tư liệu Kinh tế Từ năm 2002 - 2007, Thủ tướng Côi dư-mi đã đưa ra chính sách tái cơ cấu kinh tế, bước đầu đưa đến những khởi sắc cho nền kinh tế Nhật Bản  <table><caption>GDP growth rates of Japan (8/4/01 - 8/26/03)</caption><tr><th>Category</th><th>8/4/01</th><th>10/1/01</th><th>11/27/01</th><th>1/29/02</th><th>3/3/02</th><th>4/3/02</th><th>5/27/03</th><th>8/26/03</th></tr><tr><td>Structural reform</td><td>35</td><td>32</td><td>41</td><td>36</td><td>30</td><td>32</td><td>26</td><td>28</td></tr><tr><td>Macroeconomy</td><td>56</td><td>57</td><td>52</td><td>57</td><td>61</td><td>62</td><td>67</td><td>64</td></tr><tr><td>Other</td><td>9</td><td>11</td><td>7</td><td>7</td><td>9</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr></table> Source: Asahi Shimbun Năm 2012, ông Sin-giô A-bê đã đưa các chính sách kinh tế (còn được gọi là Abenomics) nhằm phục hưng nền II. Nhật Bản từ năm 1973 đến nay 2. Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI a) Cải cách và quá trình phục hồi kinh tế - Trước tình hình suy thoái, Chính phủ Nhật Bản đã có những chính sách quan trọng để cải cách và phục hồi nền kinh tế. + Cải cách của Chính phủ Côi-du-mi giai đoạn 2001 - 2006 và cải cách của Chính phủ Sin-dô A-bê giai đoạn 2012 - 2020 + Việc thực thi Chính sách kinh tế A-bê-nô-míc đã giúp nhiều tập đoàn, công ty lớn của Nhật Bản tiếp tục tăng trưởng. + Năm 2013, tăng trưởng GDP là 2,01%. Năm 2019, tăng trưởng GDP chỉ đạt 0,3%. b.Những chuyển biến về chính trị – xã hội - Trong hơn hai thập niên đầu thế kỉ XXI, chính trường Nhật Bản có nhiều chuyển biến. - Trong bối cảnh quốc tế mới, Chính phủ Nhật Bản vẫn duy trì quan hệ mật thiết với các nước lớn; đồng thời, thực hiện chủ trương chiến lược hướng mạnh đến châu Á.	Lĩnh vực	Nội dung	Kinh tế		Chính trị		Xã hội		Category	8/4/01	10/1/01	11/27/01	1/29/02	3/3/02	4/3/02	5/27/03	8/26/03	Structural reform	35	32	41	36	30	32	26	28	Macroeconomy	56	57	52	57	61	62	67	64	Other	9	11	7	7	9	6	7	8
Lĩnh vực	Nội dung																																											
Kinh tế																																												
Chính trị																																												
Xã hội																																												
Category	8/4/01	10/1/01	11/27/01	1/29/02	3/3/02	4/3/02	5/27/03	8/26/03																																				
Structural reform	35	32	41	36	30	32	26	28																																				
Macroeconomy	56	57	52	57	61	62	67	64																																				
Other	9	11	7	7	9	6	7	8																																				

kinh tế Nhật Bản sau "hai thập kỉ mất mát".



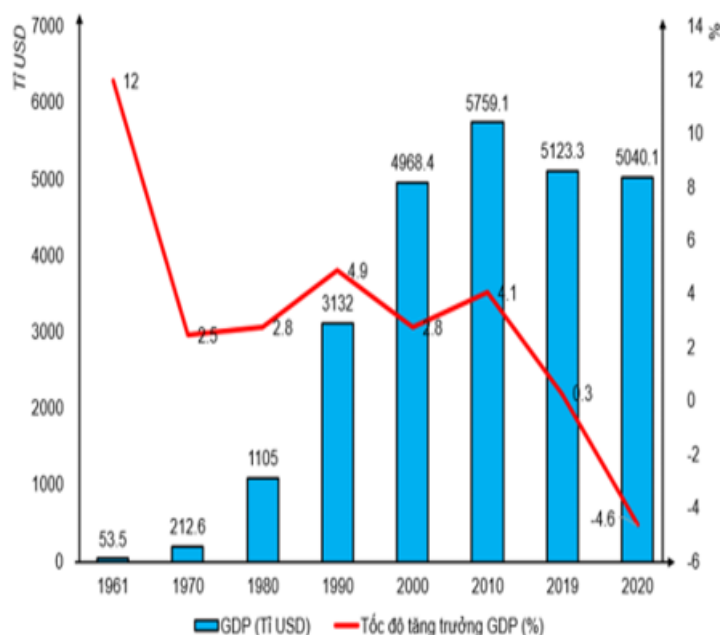
- Nhật Bản vẫn phải đối diện với tình trạng thiếu hụt lao động có kĩ năng, đặc biệt là trong các ngành kĩ thuật và công nghệ; tỉ lệ sinh con thấp nhất thế giới, dân số "già hoá, gánh nặng an sinh xã hội lớn,...

Abenomics có hai phiên bản. Phiên bản Abenomics 1.0 được đưa ra từ tháng 12 - 2012, có ba "mũi tên" nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng trì trệ kinh tế: chính sách tài khoá linh hoạt; chính sách nới lỏng tiền tệ; cải cách cấu trúc kinh tế. Phiên bản 2.0 được bắt đầu từ tháng 10 – 2015 với ba trụ cột: tăng trưởng kinh tế; tăng cường các biện pháp hỗ trợ nuôi và sinh con; cải thiện an sinh xã hội

Bảng 3. Nội dung Chính sách kinh tế A-bê-nô-míc

“Mũi tên” ngân sách	“Mũi tên” tiền tệ	“Mũi tên” cải tổ cơ cấu
Chủ trương sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư tiền vào guồng máy kinh tế quốc gia, kích cầu kinh tế.	Cải tổ chính sách tiền tệ, huy động Ngân hàng Trung ương Nhật Bản “mở van” tín dụng.	Chuyển đổi hệ thống kinh tế, khơi dậy tiềm năng tăng trưởng, tăng cường khả năng cạnh tranh, giảm thuế cho doanh nghiệp, hiện đại hoá nông nghiệp,...

Năm 2001, GDP của Nhật Bản là gần 4 400 tỉ USD, thu nhập bình quân đầu người là 34 400 USD; đến năm 2008, GDP tăng lên 5 100 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 39 800 USD.



Biểu đồ thể hiện GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1961 - 2020

💡 Thành phố Tô-ky-ô là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất của Nhật Bản, đồng thời là một trong những trung tâm kinh tế – tài chính toàn cầu. Siêu đô thị này có 38 triệu dân, tổng GDP theo sức mua tương đương 2 000 tỉ USD (năm 2012), là vùng đô thị có GDP lớn nhất thế giới.



Hình 11. Một góc thành phố Tô-ky-ô

Từ năm 2021, Nhật Bản triển khai nhiều giải pháp phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19. Năm 2022, GDP của Nhật Bản đứng thứ 3 thế giới

(sau Mỹ và Trung Quốc)

Chính trị

CỰU THỦ TƯỚNG NHẬT BẢN



Ngày sinh 21/9/1954

1977-1978 Tốt nghiệp khoa Luật
trường Đại học Seikei (Tokyo)
và ngành chính trị tại
Đại học Nam California (Mỹ)



8/7/2022

Qua đời sau khi bị bắn

Abe Shinzō là một chính trị gia người Nhật Bản đã giữ chức Thủ tướng Nhật Bản bốn nhiệm kỳ liên tiếp đồng thời là Chủ tịch của Đảng Dân chủ Tự do từ 2012 đến 2020, và trước đó từ 2006 đến 2007. Ông cũng giữ chức Chánh Văn phòng Nội các từ năm 2005 đến 2006 và là Lãnh đạo Phe đối lập năm 2012

Nhật Bản tiến thêm một bước mới trong quá trình khôi phục đầy đủ chức năng của lực lượng quân sự, góp phần nâng cao vai trò của nước này trong việc giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế.

Đối ngoại



Về đối ngoại, liên minh với Mỹ vẫn được coi là nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản

Nhật Bản đẩy mạnh chiến lược “trở lại châu Á”, lấy

	2001 - 2006 và cải cách của Chính phủ Sin-dô A-bê giai đoạn 2012 - 2020 – Việc thực thi Chính sách kinh tế A-bê-nô-míc đã giúp nhiều tập đoàn, công ty lớn của Nhật Bản tiếp tục tăng trưởng – Năm 2013, tăng trưởng GDP là 2,01%. Năm 2019, tăng trưởng GDP chỉ đạt 0,3%.
Chính trị	- Tháng 8-2009, Nhật Bản trải qua một “con động đất chính trị” khi Đảng Dân chủ (DPJ) giành chiến thắng áp đảo trước Đảng Dân chủ Tự do (LDP). - Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, mở rộng hoạt động cho Lực lượng phòng vệ Nhật Bản - Về đối ngoại, liên minh với Mỹ vẫn được coi là nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. - Nhật Bản cũng tăng cường vai trò của mình trong Liên hợp quốc. Vị thế của Nhật Bản được nâng cao trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực như WTO, G7, APEC,...
Xã hội	- Trong những năm đầu thế kỉ XXI, số lượng người nghèo và tỉ lệ thất nghiệp ở Nhật Bản có xu hướng tăng - Nhật Bản cũng đối mặt với tình trạng già hoá và sụt giảm dân số. Tỉ lệ sinh thấp và dân số già là những nhân tố gây áp lực nặng nề về nguồn nhân lực cho nền kinh tế.
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi:



GV chia lớp làm 4 đội chơi, đội nào có nhiều đáp án đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng

Câu hỏi 1: Từ năm 2002- 2007 thủ tướng nào đã đưa ra chính sách tái cơ cấu kinh tế đưa đến những khởi sắc cho nền kinh tế Nhật Bản

- A. Côi dư-mi
- B. L Sin-giô A-bê
- C. Suga Yoshihide
- D. Koizumi Junichiro

Câu hỏi 2: Năm 2012, Ai đã đưa các chính sách kinh tế (còn được gọi là Abenomics) nhằm phục hưng nền kinh tế Nhật Bản sau "hai thập kỉ mất mát".

- A. Côi dư-mi
- B. Koizumi Junichiro
- C. Suga Yoshihide
- D. Sin-giô A-bê

Câu hỏi 3: Năm 2022, GDP của Nhật Bản đứng thứ mấy thế giới

- A. 1

B.2

C. 3

D.4.

Câu hỏi 4:Nhật Bản luôn coi quan hệ đồng minh với nước nào là mối quan hệ quan trọng và hợp tác chặt chẽ để giải quyết nhiều vấn đề trong quan hệ quốc tế.

A. Hàn Quốc

B. Trung Quốc

C. Mỹ

D. Nga

Câu hỏi 5:Nhật Bản đã công bố xây dựng một xã hội siêu thông minh hay còn gọi là “Xã hội 5.0” vào thời gian nào?

A. Tháng 1 – 2016

B. Tháng 1 – 2017

C. Tháng 1 – 2018

D. Tháng 1 – 2019

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

C	1	2	3	4	5
H					
Đ	A	D	B	C	A
A					

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm:Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :Viết bài giới thiệu về một cuốn sách một bộ phim hoặc tư liệu về tình hình Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 21

Ngày soạn: 20/1/2026

CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (T5)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản; phân tích được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973.
- Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản; nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000.
- Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật; phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.
- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản; sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản.- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: nguồn nhân lực; vai trò quan trọng của nhà nước; hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp; truyền thống văn hoá

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

-Năng lực riêng:

Nhận thức và tư duy lịch sử

- + Biết cách sưu tầm và khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao.
- + Giải thích được nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1952-1973 cũng như nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của
- + Nhận xét được những bài học thành công của Nhật Bản.

Vận dụng

- + Nêu được mối quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản. Liên hệ những thành tựu của Nhật Bản để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: Học hỏi những phẩm chất kỉ luật, chăm chỉ, tự giác, coi trọng bản sắc văn hoá của người Nhật, từ đó đem văn hoá truyền thống của nước ta trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển, đảm bảo tính bền vững, lâu dài của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Video, hình ảnh về Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tài liệu tham khảo: Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhật Bản: Một số vấn đề kinh tế, chính trị nổi bật 2001 – 2020 (Sách chuyên khảo), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011;...

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong SCD, sưu tầm tư liệu liên quan đến Nhật Bản từ năm 1945 đến nay.
- Tham khảo tư liệu và trong SCD, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên yêu cầu HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Quan sát hình và cho biết 5 văn hóa truyền thống của Nhật Bản



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Bài học thành công từ lịch sử Nhật Bản

a. Mục tiêu:

N- Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: nguồn nhân lực; vai trò quan trọng của nhà nước; hệ thống tổ chức quản lý có hiệu quả của các xí nghiệp; truyền thống văn hoá.

b.Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm:HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1 GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, vẽ sơ đồ tư duy về những bài học thành công từ lịch sử Nhật Bản	III. Bài học thành công từ lịch sử Nhật Bản - Về nhân tố con người - Về vai trò của nhà nước - Hệ thống tổ chức,

STT	Tiêu chí chấm	Mô tả tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được			
				Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
1	Hình thức sản phẩm	Ý tưởng mới lạ, hình thức độc đáo	20				
		Hình ảnh minh họa phù hợp, dễ nhìn, dễ hiểu.	20				
		Màu sắc bố cục hài hòa	20				
		Trang trí hợp lý	20				
		Sử dụng từ khóa	20				
2	Nội dung	Kết cấu logic	20				
		Độ chính xác của thông tin.	20				
		Trình bày dễ hiểu.	20				
		Sử dụng tài liệu ngoài có trích dẫn rõ ràng.	20				
		Nhiều thông tin hay, bổ ích, lí thú.	20				
Tổng điểm sản phẩm			200 điểm				

quản lí sản xuất

- Truyền thống lịch sử, văn hoá

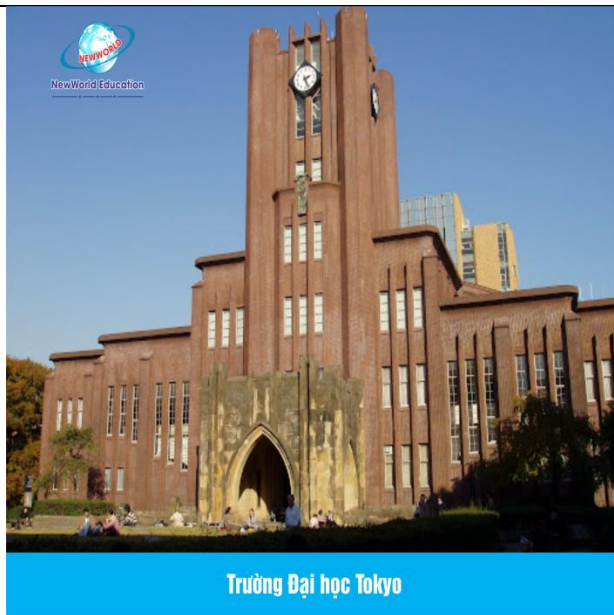
Nhiệm vụ 2

Hoàn thành phiếu học tập

Bài học đưa đến thành công của Nhật Bản	Nội dung
Nhân tố con người	
Vai trò của Nhà nước	
Hệ thống tổ chức, quản lí sản xuất	
Truyền thống lịch sử, văn hoá	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
 - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- GV cung cấp thông tin tư liệu



Kế thừa nền giáo dục thời kì Minh Trị Duy tân, từ sau năm 1945, Nhật Bản đã đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục. Nhật Bản là một trong những quốc gia phát triển với tỉ lệ mù chữ ở mức thấp nhất thế giới, tỉ lệ sinh viên học đại học, cao đẳng ở mức cao so với các quốc gia châu Á khác.



Giáo dục Nhật Bản đã rèn luyện tinh thần kỉ luật, ý thức tự lập cho học sinh ngay từ nhỏ. Người Nhật tin rằng, nếu giáo dục tính kỉ luật cho một thế hệ trẻ em hôm nay thì trong tương lai sẽ có một thế hệ nhân tài trưởng thành với “kỉ luật thép”, có khả năng đóng góp to lớn cho đất nước. Trong công việc, tinh thần kỉ luật cũng được rèn luyện một cách bài bản và kĩ lưỡng như tôn trọng luật lệ và nguyên tắc, quản lí thời gian, tuân thủ quy trình làm việc, sự hợp tác và phối hợp, dám chịu trách nhiệm,...

Điều làm nên sự thành công của nhà nước chính là các nhà lãnh đạo trong bộ máy đó. Thời kì phát triển thần kì, các lãnh đạo nhà nước Nhật Bản được đánh giá có tinh thần trách nhiệm, nhân quan nhay bén; quan chức tài năng, thanh liêm, có tinh thần dân tộc. Câu chuyện kể về nhà chính trị kiệt xuất I-kê-đa Hai-a-tô khi còn là Bộ trưởng Bộ Tài chính, dẫn đoàn quan chức công du ở Mỹ vào năm 1958. Để tiết kiệm, đoàn chỉ thuê khách sạn loại trung bình, 2 – 3 người ở chung một phòng (kể cả Bộ trưởng), ban ngày gặp chính khách Mỹ, tối về cùng ngồi bàn về chiến lược, không có bàn ghế họ phải ngồi trên giường để trò chuyện



Phương thức quản trị của các công ty Nhật Bản là chế độ làm việc trọn đời và chế độ phúc lợi, thăng tiến theo thâm niên.

10 NGUYÊN TẮC CỦA TRIẾT LÝ KAIZEN



Triết lý quản lý Kai-gien (cải tiến liên tục thành công) của người Nhật đã được áp dụng rộng rãi và thành công tại các công ty Nhật trong vòng hơn 50 năm qua. Bí quyết cải tiến liên tục của kỹ sư Nhật Bản đã đưa đến thành công của các sản phẩm và tạo ra thương hiệu “đổi mới hàng đầu” như Honda, Nissan, Toyota, Sony, Sanyo, Hitachi,...



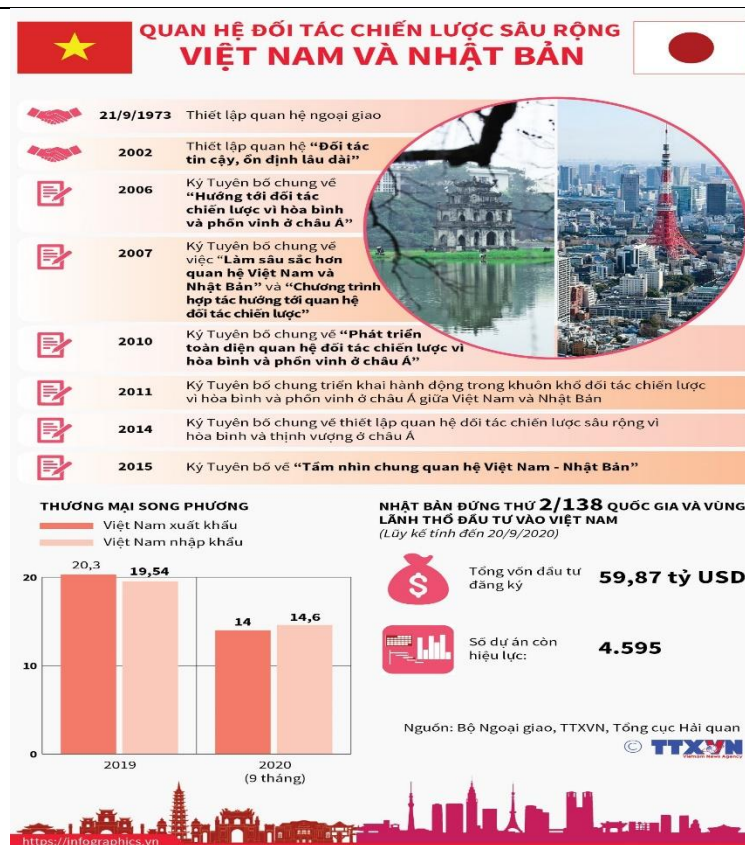
Các giá trị văn hoá truyền thống được lưu truyền qua giáo dục ở mức độ cao, tạo nền tảng đạo đức xã hội Nhật Bản. Người Nhật biết dung hoà bản sắc về tôn giáo, tín ngưỡng; duy trì thuyết duy linh Thần đạo, quan niệm duy cảm với tự nhiên,...



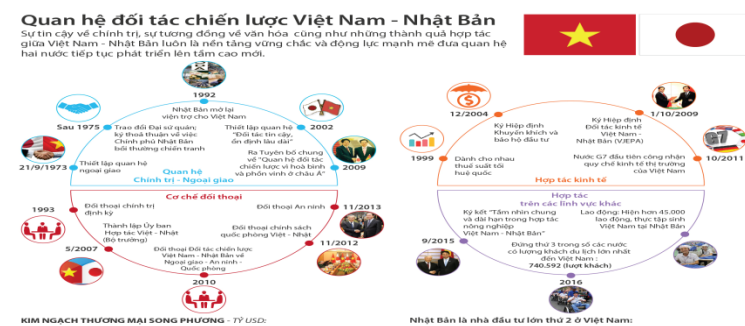
Chùa Cầu là cây cầu gỗ dài 18m bắc qua một con rạch nhỏ chảy vào sông Hoài đó nha. Cầu được các thương nhân Nhật Bản góp tiền xây dựng vào thế kỷ 17 với hy vọng sẽ mang lại bình an cả ba quốc gia Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam. Vì thế, cầu còn có tên là Cầu Nhật Bản. Một tên gọi khác ít được biết đến hơn là Lai Viễn Kiều do chúa Nguyễn Phúc Chu đặt khi đến thăm Hội An vào năm 1719 với ý nghĩa là “Cầu đón khách phương xa”.



Lãnh đạo cấp cao hai nước duy trì thường xuyên các chuyến thăm và tiếp xúc tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, nổi bật là 12 lần Thủ tướng Nhật Bản thăm Việt Nam và 21 lần Thủ tướng Chính phủ Việt Nam thăm Nhật Bản; 2 lần Chủ tịch Hạ viện và 2 lần Chủ tịch Thượng viện Nhật Bản thăm Việt Nam, 4 lần Chủ tịch Quốc hội Việt Nam thăm Nhật Bản.



- Nhật Bản tiếp tục là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam, nước cung cấp ODA lớn nhất, đối tác lớn thứ hai về hợp tác lao động; thứ ba về đầu tư, du lịch; thứ tư về thương mại. Tổng số người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập tại Nhật Bản khoảng 520 000 người, trở thành cộng đồng người nước ngoài lớn thứ 2 tại Nhật.



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

Bài học đưa đến thành công của Nhật Bản	Nội dung	
Nhân tố con người	- Nhân tố quyết định cho sự phát triển của Nhật Bản là con người. - Người lao động Nhật Bản được trang bị kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ vững chắc, được đào tạo nghề nghiệp bài bản, có trình độ văn hoá và tay nghề cao - Người Nhật cũng nổi tiếng với những đức tính như cần cù, cẩn thận, tiết kiệm, tuân thủ kỉ luật,... - Tinh thần lao động của người Nhật luôn được duy trì và phát huy như một nhân tố quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế.	
Vai trò của Nhà nước	-- Nhà nước có vai trò đặc biệt trong quá trình vận hành của nền kinh tế - Các chính sách được Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đưa ra nhằm phù hợp với thị trường và được thiết kế để tối đa hoá tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động thị trường.	
Hệ thống tổ chức, quản lí sản xuất	- Các tập đoàn, công ty Nhật Bản biết thực thi những biện pháp quản lí hiệu quả trong một môi trường kinh tế có tính cạnh tranh cao, đặc biệt chú trọng vào chất lượng sản phẩm. - Phương thức quản trị là chế độ làm việc trọn đời và chế độ phúc lợi, thăng tiến theo thâm niên.	
Truyền thống lịch	- Nhật Bản là quốc gia có truyền thống lịch sử lâu đời với nền văn hoá	

sử, văn hoá	mang nhiều nét độc đáo, đặc sắc riêng. - Trong tiến trình xây dựng đất nước, Nhật Bản vừa học tập, tiếp thu khoa học – kĩ thuật của các nước phương Tây, vừa giữ gìn và coi trọng những giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá.	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi:



GV chia lớp làm 4 đội chơi, đội nào có nhiều đáp án đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng

Câu hỏi 1: Điều gì được xem là yếu tố quan trọng nhất đưa đến sự phát triển thần kỳ về kinh tế của Nhật Bản?

A. Khoa học kỹ thuật

- B. Viện trợ của mỹ
- C. Con người
- D. Văn hóa Nhật Bản

Câu hỏi 2: Ai vừa là chủ thể quản lý kinh tế vừa là chủ thể đầu tư đối với các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế?

- A. Giáo dục
- B. Văn hóa
- C. Nhà nước
- D. Doanh nghiệp

Câu hỏi 3: Các công ty, xí nghiệp Nhật Bản có triết lý quản lý nào sau đây

- A. Kai-gien
- B. Văn hóa làm việc 996
- C. Chế độ làm việc 886
- D. Văn hóa 007

Câu hỏi 4: Trang phục truyền thống của Nhật Bản là

- A. Sari
- B. Hanbok
- C. Sabai
- D. Kimono

Câu hỏi 5: Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao vào thời gian nào?

- A. 1945
- B. 1973
- C. 1986
- D. Th1991

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

C	1	2	3	4	5
H					
Đ	C	C	A	D	C
A					

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều

nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :Từ phẩm chất cần cù, kỉ luật, coi trọng bản sắc văn hoá dân tộc của người Nhật, liên hệ với Việt Nam trong thời kì Đổi mới.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

.....

Tiết 22,23,24,25

Ngày soạn: 15/1/2026

NỘI DUNG THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ 2: Thuyết trình (4 tiết)

1. Về kiến thức:

- Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản của chủ đề **NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

2. về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kĩ năng làm việc nhóm, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học: Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 12
- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Yêu cầu Lớp chia làm 4 nhóm làm nhiệm vụ theo yêu cầu sau.

Lựa chọn, trình bày một nội dung trong:

CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Yêu cầu: Trình bày rõ ràng với các tiêu chí sau:

+ Được lựa chọn các loại hình thuyết trình: Powerpoint, infographic, sơ đồ tư duy, A0...

+ Nhiệm vụ:

Tổ 1: Nêu những bài học về sự phát triển của Nhật Bản có thể áp dụng đối với nước ta.

Tổ 2: Trình bày một công trình (hoặc 1 dự án) có sự giúp đỡ của Nhật Bản ở Việt Nam

Tổ 3: Trình bày một thành tựu khoa học kỹ thuật của Nhật Bản

Tổ 4: Trình bày một truyền thống lịch sử, văn hóa của Nhật Bản còn duy trì đến ngày nay

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.